TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 3 - H	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lài**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Anh Thư

2. Bà Bùi Thị Bích Vân

Thư ký phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Bích Huệ** – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - H *tham gia phiên tòa*: **Bà Lê Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – H tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 397/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông P, sinh năm 1971

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Căn 3008 Park 10 T, phường V, thành phố H. *Xin vắng mặt tại phiên tòa*

- Bị đơn: **Bà H**, sinh năm 1993

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Căn 3008 Park 10 T, phường V, thành phố H. *Xin vắng mặt tại phiên tòa*

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. ***Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn là ông P trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Q ngày 11/8/2022. Sau khi kết hôn cho đến nay tôi và bà H ở tại căn hộ 3008 Park 10 T, phường M, quận H (nay là phường V), Thành phố H. Vợ chồng chúng tôi chung sống đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau nên chúng tôi thường xuyên phát sinh mẫu thuẫn. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải

nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn bà H để tôi ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Tôi và bà H có một con chung là cháu P, sinh ngày 08/7/2022. Khi ly hôn tôi và bà H thỏa thuận tôi là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 01/7/2025, ông P có ý kiến gửi Tòa án, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, ông đề nghị Tòa án không phải giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi và bà H không có và tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những nội dung trên ông P không yêu cầu tòa án giải quyết nội dung nào khác.

2. ***Ý kiến của bị đơn là bà H trình bày tại bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án :***

- Về tình cảm: Tôi và ông P kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Q ngày 11/8/2022. Sau khi kết hôn cho đến nay tôi và ông P ở tại căn hộ 3008 Park 10 T, phường M, quận H (nay là phường V), Thành phố H. Vợ chồng chúng tôi chung sống đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau nên chúng tôi thường xuyên phát sinh mẫu thuẫn. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đồng ý ly hôn ông P. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết sớm cho chúng tôi để chúng tôi ổn định cuộc sống. Do công việc bận nên tôi xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án và khi Tòa án xét xử.

- Về con chung: Tôi và ông P có một con chung là cháu P, sinh ngày 08/7/2022. Khi ly hôn do điều kiện kinh tế của tôi không bằng ông P nên tôi đồng ý để ông P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi và ông P không có và tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những nội dung trên bà H không có yêu cầu tòa án giải quyết nội dung nào khác.

3. ***Tại phiên tòa****:*

- Ông P có đơn xin xử vắng mặt và ông xin giữ nguyên toàn bộ nội dung đã trình bày tại Tòa án.

- Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn, bà trình bày bà đồng ý ly hôn ông P và đồng ý để ông P nuôi con chung là cháu P do điều kiện của bà không tốt bằng ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – H phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân khu vực 3 - H thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định như sau: Ông P và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2024 đến nay, không chung quan điểm sống, ông bà cùng xác nhận hôn nhân không có hạnh phúc. Ông P xin ly hôn bà H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông P với bà H.

Về con chung: Ông P và bà H có một con chung là cháu P, sinh ngày 08/7/2022. Khi ly hôn ông P và bà H đều đồng ý để ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà H.

Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: Ông P và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông P khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là bà H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bà H hiện sống tại căn 3008 Park 10 T, phường M, quận H (nay là phường V), thành phố H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – H.

Quá trình giải quyết, Toà án nhân dân khu vực 3 – H đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông P và bà H, tuy nhiên ông P và bà H đã trình bày bản tự khai và có đơn xin giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và xét xử. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – H ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và xét xử vắng mặt ông P và bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về tình cảm: Ông P và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Q ngày 11/8/2022, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông P và bà H không có cùng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Từ cuối năm 2024 đến nay, mẫu thuẫn phát sinh, mặc dù cả hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Bản thân bà H cũng xác định tình cảm không còn, bà đồng ý ly hôn ông P. Qua đó thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng giữa ông bà đã trầm trọng và không có khả năng khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của ông P là phù hợp với các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P với bà H.

- Về con chung: Xác nhận ông P và bà H có 01 con chung là cháu P, sinh ngày 08/7/2022. Khi ly hôn ông P và bà H đều đồng ý để ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà H kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Bà H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Ông P và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông P là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P. Ông P được ly hôn bà H.

2. Về con chung: Xác nhận ông P và bà H có một con chung là cháu P, sinh ngày 08/7/2022, giao cháu P cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu P trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà H kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Bà H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Ông P và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035113 ngày 02/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – H). Ông P đã chấp hành xong tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, ông P và bà H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3-H;
- Đương sự;
- Tòa án NDTP. H;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lài